
Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2018
*Tranh chấp V/v ly hôn, nuôi con
sau ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Thế Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tím

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; địa chỉ nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/10/2017, tại biên bản lấy lời khai, hòa giải, nguyên đơn là Vũ Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã (Viết tắt: UBND) T, huyện

K, tỉnh Hải Dương ngày 15/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà mẹ chồng ở thôn B, xã T đến khoảng giữa năm 2014 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ngày càng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến xảy ra cãi vã, xô xát thường xuyên. Mặc dù đã được người thân nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Do vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm. Xét tình cảm vợ chồng không còn có thể níu kéo được, nên anh đề nghị được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Phạm Khánh G, sinh ngày 09/7/2012 và Vũ Phạm Tuấn K, sinh ngày 06/02/2014. Sau khi ly hôn, anh đề nghị phân định mỗi người nuôi một con, nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai, hòa giải ngày 03/11/2017, bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký tại UBND xã T ngày 15/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà mẹ chồng tại thôn B, xã T đến khoảng năm 2015 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ngày càng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến xảy ra cãi vã, xô xát thường xuyên. Mặc dù đã được người thân nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Do vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm. Xét tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, chị đồng ý ly hôn với anh C. Chị yêu cầu được nuôi các con và buộc anh C cấp dưỡng cho hai con là 3 triệu/tháng. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 29/12/2017, biên bản làm việc sau nà, chị H thay đổi, không đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Phạm Khánh G, sinh ngày 09/7/2012, Vũ Phạm Tuấn K, sinh ngày 06/02/2014 và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện thôn, hội phụ nữ và gia đình xác định: Vợ chồng kết hôn khi tuổi đã cao nên trước khi kết hôn tìm hiểu không kỹ, nhưng sau khi kết hôn thì chung sống hòa thuận được đến năm 2015 thì mâu thuẫn dẫn đến mức đánh, cãi nhau nhiều lần như nguyên, bị đơn đã trình bày và gia đình đã can thiệp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn – anh C giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn – chị H đã được triệu tập họp lệ đến tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết là không chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đề nghị giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con cho vợ chồng mỗi người nuôi một con, không ai phải đóng góp nuôi con cho ai; Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã T, huyện K, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là đã được triệu tập họp lệ tới phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, nên Tòa xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn:* Anh Vũ Văn C và chị Phạm Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K ngày 15/01/2011 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự và các nhân chứng là có đủ cơ sở để xác định vợ chồng anh C, chị H đã có mâu thuẫn từ năm 2015, do tính tình, lối sống vợ chồng không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát, người thân đã hòa giải động viên nhưng vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung của vợ chồng:* Anh chị đã có hai con chung dưới 7 tuổi, khi ly hôn, vợ và chồng đều có đầy đủ điều kiện tư cách, kinh tế, tình cảm, môi

trường nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung. Nên cần giao cho anh C, chị H mỗi người nuôi một con là hợp tình, hợp lý. Cháu K còn nhỏ cần hơn tình cảm trực tiếp chăm sóc của mẹ, nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cháu G giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp tiền nuôi con cho ai là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản, công nợ chung*: Anh C, chị H đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, anh C là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 35; Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử :

- Về tình cảm vợ chồng:

Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn C. Xử cho anh Vũ Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Xử giao con chung là Vũ Phạm Khánh G, sinh ngày 09/7/2012 cho anh Vũ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Vũ Phạm Tuấn K, sinh ngày 06/02/2014 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi (trưởng thành). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Chi

cục Thi hành án huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2016/0000646 ngày 02/11/2017, anh C đã nộp xong án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. Đối với nguyên đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng